TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 22 /2022/DS-ST Ngày 21/4/2022 *V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Trọng Thinh.

Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quang Hợi, Ông Trần Xuân Bằng

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Quốc Huy

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Chiêm – Kiểm sát viên.

Ngày 21/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thụ lý số 77/2022/TLST- DS ngày 06/01/2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST- DS ngày 06/4/2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh Ngô Phi H, sinh năm 1980

HKTT: thôn D, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. (có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1972

HKTT: số 80, đường C, khu C, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Ngô Phi H trình bày: Do có quen biết chị N nên vào ngày 26/6/2018 âm lịch anh có cho chị Trần Thị N vay số tiền là 100.000.000đ, khi vay đôi bên có làm giấy tờ và ký nhận với nhau, lãi suất là 1.000.000đ/1 tháng (nhưng chỉ thỏa thuận miệng với nhau chứ không ghi vào trong giấy vay tiền) cũng không ghi thời hạn trả gốc, mục đích N vay để làm ăn.

Quá trình vay chị N đã trả lãi suất theo thỏa thuận cho anh hàng tháng đến tháng 11/2021 thì chị N không trả cho anh nữa (thời điểm trên anh đã có đơn khởi kiện chị N tại Tòa án).

Cũng kể từ tháng 12 năm 2021 đến nay chị N vẫn không trả cho anh tiền gốc cũng như tiền lãi theo như thỏa thuận. Anh cũng đã nhiều lần yêu cầu chị N phải trả cho anh số tiền 100.000.000đ gốc và lãi suất, xong chị N vẫn không trả. Nay anh làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc chị Trần Thị N phải trả cho anh số tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi suất từ tháng 12 năm 2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 4.000.000đ. Tổng cộng buộc chị N phải trả cho anh số tiền là 104.000.000đ.

Chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: Bản sao CMTND, sổ hộ khẩu tên Ngô Phi H; Bản phô tô giấy vay tiền; Đơn đề nghị từ chối hòa giải, đối thoại tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại tòa án; Phiếu EMS tôi đã gửi cho bị đơn.

Về phía bị đơn là chị Trần Thị N trình bày: Vào ngày 26/6/2018 âm lịch chị có vay của anh Ngô Phi H số tiền là 100.000.000đ, với lãi suất là 2.000.000đ/ tháng, khi vay đôi bên có làm giấy tờ vay tiền, không có thời hạn trả nợ. (trong giấy vay tiền không ghi lãi suất) mà chỉ thỏa thuận miệng và ngoài giấy vay tiền, số tiền trên chị vay hộ anh Dương Văn K, vợ là chị Quản Thị T, giữa chị và anh K có giấy tờ vay mượn với nhau.

Trong quá trình vay chị đã trả lãi cho anh H đầy đủ, đến ngày 30/11/2021 thì chị không trả cho anh H tiền lãi nữa, lý do là anh H đã có đơn khởi kiện chị ra Tòa án.

Nay anh H có đơn khởi kiện chị ra Tòa án yêu cầu chị phải trả cho anh H số tiền 100.000.000đ chị đồng ý xong vì điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình chị đang gặp khó khăn chị xin được trả dần cho anh H mỗi tháng là 2.000.000đ và xin tiền lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ kiện, xong các bên đương sự chỉ thống nhất được số tiền gốc chứ không thống nhất được thời gian trả gốc và số tiền lãi. Do vậy Tòa án không thể tiền hành hòa giải được, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa anh Ngô Phi H yêu cầu chị Trần Thị N phải trả cho anh số tiền gốc là 100.000.000đ và tiền lãi 1.000.000đ/tháng theo như đôi bên đã thỏa thuận và chị N đã trả cho anh đến hết tháng 11 năm 2021. Nay anh yêu cầu chị N phải trả cho anh tiền lãi kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, còn nếu chị N trả ngay cho anh số tiền 100.000.000đ thì anh không yêu cầu tiền lãi.

Cũng tại phiên tòa chị N thừa nhận vào ngày 26/6/2018 âm lịch chị có vay của anh H số tiền 100.000.000đ lãi suất theo thỏa thuận miệng và chị đã trả cho anh H tiền lãi đến hết tháng 11 năm 2021 nay do điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình có gặp khó khăn chị xin trả dần tiền gốc cho anh H mỗi tháng là 2.000.000đ và chị xin anh H tiền lại.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật: Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đầy đủ.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Phi H

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 280 của BLDS, Điều 26, 35, 58 của BLTTDS, NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX buộc chị Trần Thị N phải trả cho anh Ngô Phi H tổng số tiền là 104.700.000đ trong đó tiền gốc là 100.000.000đ, tiền lãi là 4,700.000đ tính từ ngày 01/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Ngô Phi H có đơn yêu cầu khởi kiện chị Trần Thị N, hiện chị N có hộ khẩu thường trú tại thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, do vậy Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền địa hạt. Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Phi H thì thấy vào ngày 26/6/2018 giữa anh Ngô Phi H và chị Trần Thị N có làm giấy vay tiền được thể hiện chị N vay của anh H số tiền 100.000.000đ để lấy tiền làm ăn, không ghi lãi suất và thời hạn trả nợ có ký nhận, trong nội dung giấy vay tiền giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, trong quá trình vay giữa chị N và anh H thỏa thuận với nhau về lãi suất chị N phải trả cho anh H mỗi tháng là 1.000.000đ, chị N đã trả lãi cho anh H đến hết tháng 11/2021 thì chị N không trả cho anh H nữa. anh H đã khởi kiện ra Tòa án và đề nghị Tòa án buộc chị Trần Thị N phải trả cho anh số tiền gốc là 100.000.000đ và 4.000.000đ tiền lãi trong 4 tháng tổng cộng chị N phải trả cho anh H là 104.000.000đ.

Tại phiên tòa anh H đề nghị chị N phải trả 100.000.000đ tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày 01/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 1.000.000đ/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Phi H là có căn cứ cần được chấp nhận.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Phi H được chấp nhận thì bị đơn là chị Trần Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 280 Bộ luật dân sự, Điều 26, 35, 58, 143, 144, 145, 147, 227, 228, 235, 264, 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự, NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Phi H.

Xử: Buộc Chị Trần Thị N phải trả cho anh Ngô Phi H số tiền là 104.700.000đ. trong đó tiền gốc là 100.000.000đ, tiền lãi là 4.700.000đ tính từ ngày 01/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 5.203.000đ án phí DS-ST

Hoàn trả anh Ngô Phi H số tiền 2.500.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số AA/0001049 ngày 06/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nêu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lương Trọng Thinh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND TP B;
- CC THADS TP B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS.